TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG** Số: 560/2017/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *C, ngày 28 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 834/2017/TLST/HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn N, sinh năm 1994; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Đường ĐT744, tổ 9, T, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương

Bị đơn: Anh Bùi T, sinh năm 1990; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Đường ĐT744, tổ 9, ấp T, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn N và anh Bùi T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn N và anh Bùi T tự nguyện thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 18/02/2013 cho chị Nguyễn N và anh Bùi T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao cháu Bùi D, sinh ngày 04/5/2012 cho chị Nguyễn N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Nguyễn N không yêu cầu anh Bùi T cấp dưỡng nuôi cháu Bùi D.

Anh Bùi T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn N và anh Bùi T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn N phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình; anh Bùi T phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn N tự nguyện nộp thay cho anh Bùi T 75.000 đồng, tổng cộng số tiền chị Nguyễn N phải nộp là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0017298 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Chị Nguyễn N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Lê Cẩm Hằng